

Số: 95 /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 15 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2024;

Sau khi xem xét Báo cáo số 3857/BC-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu; Tờ trình số 3859/TTr-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 183/BC-HĐND ngày 08/12/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 với các nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024: 111.521 triệu đồng, cụ thể như sau:

1.1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: 20.000 triệu đồng.

Vốn Ngân sách Trung ương phân bổ để thực hiện Dự án Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu: 20.000 triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn thành phố quản lý: 81.227 triệu đồng.

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 21.677 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất: 51.500 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 8.050 triệu đồng.

1.3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG: 10.294 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 6.978 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 3.316 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, phương án phân bổ

2.1. Nguyên tắc phân bổ

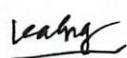
(1) Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 xây dựng phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước; phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2024; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2023.

(2) Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, Chỉ thị của Nhà nước; theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật liên quan.

(3) Phù hợp với khả năng cân đối vốn; bố trí vốn đầu tư tập trung, không đầu tư dàn trải, không để nợ đọng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

(4) Việc bố trí vốn năm 2024 (*nguồn vốn thành phố quản lý*): Dựa trên nhu cầu vốn, khả năng cân đối vốn, tiến độ thực hiện các dự án và phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2024, theo thứ tự ưu tiên phân bổ vốn như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024.



- Bố trí đủ vốn cho dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024.
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn.
- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2.2. Phương án phân bổ

2.2.1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: 20.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024 là 20.000 triệu đồng (Dự án Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu).

2.2.2. Nguồn ngân sách thành phố quản lý: 81.227 triệu đồng. Bao gồm:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 21.677 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 01 dự án hoàn thành trước năm 2023 (Dự án đã phê duyệt quyết toán) là 91,03 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 02 dự án hoàn thành năm 2024 là 4.804 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024 (trong đó có 01 dự án lồng ghép vốn) là 16.782 triệu đồng.
- Nguồn thu sử dụng đất: 51.500 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024 là 49.000 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho các dự án quyết toán dự án hoàn thành là 2.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung: 8.050 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024 là 8.050 triệu đồng.

2.2.3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia: 10.294 triệu đồng. Bao gồm:

- a) Vốn thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi: 6.978 triệu đồng.
- Đối với các dự án do thành phố thực hiện: 5.186 triệu đồng.
- + Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 2.205 triệu đồng.
- + Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 2.981 triệu đồng.
- Đối với các dự án do UBND cấp xã thực hiện: 1.792 triệu đồng.
- + Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở đất sản xuất, nước sinh hoạt: 454 triệu đồng.
- + Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào thiểu số miền núi: 1.338 triệu đồng.

leahq

b) Vốn thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 3.316 triệu đồng.

- Đối với các dự án do cấp xã thực hiện: 3.316 triệu đồng
- + Bố trí vốn cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 là 576 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 01 dự án hoàn thành năm 2024 là 227 triệu đồng.
- + Bố trí vốn cho 3 dự án khởi công mới năm 2024 là 2.513 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo Luật định.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ mười bốn, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng HĐND-UBND thành phố;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Thị Xoa

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 95/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QP đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Năm 2023			Khối lượng thực hiện		Lấy kế vốn đã bỏ trừ đến hết Kế hoạch năm 2023	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số QP đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số	Tr đó: NSTW	Dự toán sau đầu thầu, chi thầu	Tổng số	Tr đó: NSTW NSDP	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Lấy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo						Trong đó thực hiện riêng năm 2023:
	TỔNG SỐ					100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	30.000	9.664	30.000	50.836	21.500	35.635	80.000	20.000	20.000	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	30.000	9.664	30.000	50.836	21.500	35.635	80.000	20.000	20.000	
1	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Tp. Lai Châu, huyện Tam Đường	HTKT, nhóm B	2021-2024	1606/3.1 2.2021	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	30.000	9.664	30.000	50.836	21.500	35.635	80.000	20.000	20.000	Ban quản lý dự án thành phố

Leang



BIỂU TÔNG HỢP GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 95 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt		Dự toán sau đấu thầu, chỉ tiêu	Lấy kế giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Năm 2023			Khoi lượng thực hiện	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chức đầu tư	Chú chú	
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số			Tr. đó	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2023	Lũy kế từ khởi công đến 10/10/2023	Trong đó thực hiện riêng năm 2023:							
														Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)							Tổng số
I NGUỒN VỐN THÁNH PHỐ QUẢN LÝ																					
I	Nguồn vốn XD/CB tập trung				225.239	186.503	10.000	200.700	200.700	70.832	28.976	68.912	67.916	29.830	56.929	110.931	97.673	81.227			
a	Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023				62.300	60.503	10.000	52.300	52.300	18.215	16.296	16.296	48.571	15.150	16.200	50.731	10.419	21.677			
I	Trường Tiểu học Đoàn Kết	P. Đoàn Kết	CTDD nhóm C, cấp III	2021-2022	Số 1234/28/9/2020	35.000	33.481	25.000	25.000				33.481			34.435	91,03	91,03	Ban quản lý dự án		
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				13.300	13.134		13.300	13.300	9.915	7.996	7.996	7.690	7.750	7.900	7.996	4.804	4.804	Ban quản lý dự án		
2	Trạm Y tế xã San Thàng	Xã San Thàng	CTDD nhóm C, cấp III	2023-2024	Số 2240/24/11/2022	6.000	5.850	6.000	6.000	5.515	3.596	3.596	3.440	3.500	3.500	3.596	1.920	1.920	Ban quản lý dự án		
3	Nhà lớp học bộ môn trường THCS Quyết Tiến	Phường Quyết Tiến	CTDD nhóm C, cấp III	2023-2024	Số 2242/24/11/2022	7.300	7.284	7.300	7.300	4.400	4.400	4.400	4.250	4.250	4.400	4.400	2.884	2.884	Ban quản lý dự án		
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				14.000	13.888		14.000	14.000	8.300	8.300	8.300	7.400	7.400	8.300	8.300	5.524	16.782	Ban quản lý dự án		
4	Nhà lớp học và nhà hiện bộ trường Tiểu học Kim Đồng	Phường Đông Phong	CTDD nhóm C, cấp III	2023-2025	Số 2241/24/11/2022	14.000	13.888	14.000	14.000	8.300	8.300	8.300	7.400	7.400	8.300	8.300	5.524	5.524	Ban quản lý dự án		
II.5	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nội từ Tru số UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Tiến	TP. Lai Châu	CTGT nhóm B, cấp III	2021-2025	Số 234/21/5/2022													11.258	Ban quản lý dự án		
II	Nguồn thu sử dụng đất				140.000	126.000		126.000	126.000	41.878	2.080	41.877	6.080	4.080	29.990	46.796	79.204	51.500			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				140.000	126.000		126.000	126.000	41.878	2.080	41.877	6.080	4.080	29.990	46.796	79.204	49.000			
5	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nội từ Tru số UBND phường Đoàn Kết mới giao với đường số 17 phường Quyết Tiến	TP. Lai Châu	CTGT nhóm B, cấp III	2021-2025	Số 234/21/5/2022	140.000	126.000	126.000	126.000	41.878	2.080	41.877	6.080	4.080	29.990	46.796	79.204	49.000	Ban quản lý dự án		
b	Vấn cho các dự án quyết toán dự án hoàn thành																	2.500			
III	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung				22.939			22.400	22.400	10.739	10.600	10.739	13.265	10.600	10.739	13.404	8.050	8.050			

leahy



TT	Đanh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT theo QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt		Dự toán sau đấu thầu, chi thầu	Lấy kế giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Năm 2023			Khối lượng thực hiện			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn còn lại sau năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (Ngày tháng năm ban hành)	Tổng số			Tổng số	Tr đó	Kế hoạch	Giải ngân từ 1/1/2023 đến thời điểm báo cáo	Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/01/2024	Lấy kế từ khởi công đến 10/10/2023	Thực hiện từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Ước thực hiện đến 31/12/2023						
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024					22.939			22.400	22.400	10.739	10.600	10.739	13.265	10.600	10.739	13.404	8.050	8.050			
6	Đường giao thông vùng chèo xã Sùng Phái, Sơn Thành	X. Sùng Phái, Sơn Thành	CTGT nhóm C, cấp IV	2022-2024	Số 1456/09/8/2022	9.373			9.100	9.100	4.363	4.224	4.363	5.307	4.224	4.363	5.446	3.590	3.590	Phòng Kinh tế		
7	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi	X. Sùng Phái	TL cấp IV	2022-2024	Số 1457/09/8/2022	13.566			13.300	13.300	6.376	6.376	6.376	7.958	6.376	6.376	7.958	4.460	4.460	Phòng Kinh tế		

lealy



GAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số: **95** /NQ-HĐND ngày **15** tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế gian KC HT	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền				KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Khối lượng thực hiện		Giải ngân kế hoạch năm 2023 đến thời điểm báo cáo	Lấy kế vốn đã bố trí từ trước công đến hết năm 2023		Nhu cầu còn lại sau năm 2023		Kế hoạch năm 2024		Chú đầu tư	Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Trong đó NSTW	Lấy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023	Tổng số NSTW		Tổng số NSTW	Tổng số NSTW	Tổng số NSTW	Tổng số NSTW	Tổng số NSTW	Tổng số NSTW			Tổng số NSTW				
						Tổng số	Vốn đầu tư	Nguyên huy động (nếu có)																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
TỔNG CỘNG																										
I	CT MTOG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					25.716	23.326	2.390	0	23.526	3.054	1.452	6.628	1.580	10.634	10.634	14.487	12.105	2.390	0	6.978	6.978				
I	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sạch hoạt					3.023	3.015	8	0	3.215	1.437	1.069	1.049	1.049	1.976	1.976	454	8	454	0	454	454				
-	Công trình cấp NSH đến các hộ bản Tả Chai, Trung Chai	xã Sùng Phái	101 (hộ)	2022-2024	395/22.7.2022	2.935	2.935	2.935	8	2.935	2.935	1.437	1.069	1.049	1.976	1.976	374	374	80	8	374	374	374	374	UBND xã Sùng Phái	
-	Nội dung 2	xã Sùng Phái	2 hộ	2.024		88	80	8	8	280	280						80	80	8	8	80	80	80	80	UBND xã Sùng Phái	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					10.500	8.118	2.382	0	8.118	8.118	332	25	1.959	3.478	3.478	7.022	4.640	2.382	0	2.205	2.205				
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					10.500	8.118	2.382	0	8.118	8.118	332	25	1.959	3.478	3.478	7.022	4.640	2.382	0	2.205	2.205				
-	Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chai, xã Sùng Phái, thành phố Lai Châu	TP. Lai Châu	Cải tạo cảnh quan mẫu Tu Tý và cơ sở HTKT	2022-2024	Số 1405/22/7/2022	10.500	8.118	2.382	0	8.118	8.118	332	25	1.959	3.478	3.478	7.022	4.640	2.382	0	2.205	2.205			Ban quản lý dự án thành phố	
3	Dự án 4: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					4.003	4.003	0	0	4.003	4.003	927	0	1.327	2.317	2.317	1.684	1.684	0	0	1.338	1.338			0	
*	Dự án dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023					4.003	4.003	0	0	4.003	4.003	927	0	1.327	2.317	2.317	1.684	1.684	0	0	1.338	1.338			0	
-	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chai	xã Sùng Phái	1,694 km	2022-2024	396/22.7.2022	3.140	3.140	3.140	0	3.140	3.140	927	0	1.327	2.317	2.317	821	821	0	0	821	821	821	821	UBND xã Sùng Phái	
*	Dự án khởi công mới năm 2024					863	863	0	0	863	863	0	0	0	0	0	863	863	0	0	0	0	517	517		
-	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu	xã Sùng Phái	0,537km	2024-2025	549/17.11.2023	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	863	UBND xã Sùng Phái



leafy

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khu vực thiết kế giam KC	Thời hiện	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền						KHI đầu tư trong hạn giải đoạn 2021- 2025		Khuối lượng thực hiện		Giải ngân		Lượng vốn đã bố trị từ khối công đến hết năm 2023				Như cầu còn lại sau năm 2023				Kế hoạch năm 2024		Chịu đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TKMDT		Nguồn huy đóng (nếu có)	Tổng số	Trong đó: NSTW	Lấy kế tính đến 1/1/2023 (thời điểm báo cáo)	Riêng từ năm 2023 đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân năm 2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	NSTW	NSDP	Nguồn huy đóng (nếu có)	Tổng số	Trong đó: NSTW					
							Vốn đầu tư	NSDP																	Tổng số	Tổng số			Tổng số
4	Dự án 6. Báo dân, phát huy giá trị văn hóa truyền thống lời dạy của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					8.190	8.190	0	0	8.190	8.190	358	358	2.293	358	2.863	2.863	5.327	5.327	0	0	2.981	2.981						
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					8.190	8.190	0	0	8.190	8.190	358	358	2.293	358	2.863	2.863	5.327	5.327	0	0	2.981	2.981						
	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - dân tộc Giáy (bản Sơn Thàng, thị trấn Lai Châu)	Tp. Lai Châu	Nhóm C	2023- 2025	947/11.9.2023	8.190	8.190	0	0	8.190	8.190	358	358	2.293	358	2.863	2.863	5.327	5.327	0	0	2.981	2.981	Ban quản lý dự án					
II	CT MTQG xây dựng nông thôn mới					11.084	8.090	0	336	8.948	8.948	2.640	811	3.244	2.569	5.728	5.728	4.939	4.803	0	136	3.316	3.316						
	Dự án hoàn thành trước 31/12/2023					4.200	4.000	0	200	2.200	2.200	2.640	811	831	811	3.335	3.335	576	576	0	0	576	576						
1	Đường giao thông nội đồng bản Cư Nhà La	xã Sông Phải	1,2km	2022- 2024	397/22.7.2022	1.890	1.800	0	90	2.200	2.200	1.025	811	40	811	1.720	1.720	79	79	0	0	79	79	UBND xã Sông Phải					
2	Đường giao thông nội đồng bản Càng Đàng xã Sơn Thàng	Xã Sơn Thàng	L=1,6km	2022- 2023	685/22.7.2022	2.310	2.200	0	110	2.200	2.200	1.615	811	811	811	1.615	1.615	497	497	0	0	497	497	UBND xã Sơn Thàng					
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024					2.748	0	0	0	2.748	2.748	2.748	2.393	2.393	2.393	2.393	227	227	0	0	227	227							
3	Đường giao thông nội đồng bản Sơn Chải, xã Sông Phải	xã Sông Phải	L=1,2km	2023- 2024	697/5.12.2022	2.748	2.748	0	0	2.748	2.748	1.758	1.758	2.393	1.758	2.393	2.393	227	227	0	0	227	227	UBND xã Sông Phải					
	Dự án khởi công năm 2024					4.136	4.000	0	136	4.000	4.000	0	0	0	0	4.136	4.136	0	0	0	0	2.513	2.513						
4	Đường giao thông bản Lò Sười Tung	Xã Sơn Thàng	0,6km	2024- 2025	950/13.11.202	861	820	0	41	820	820	0	0	0	861	820	861	820	0	0	41	41	515	515	UBND xã Sơn Thàng				
5	Đường giao thông nội đồng bản Sừng Phải	xã Sông Phải	1,95km	2024- 2025	548/17.11.202	1.995	1.990	0	95	1.900	1.900	0	0	0	1.995	1.900	1.995	1.900	0	0	95	95	1.194	1.194	UBND xã Sông Phải				
6	Đường giao thông nội đồng bản Cán Cầu	xã Sông Phải	1,577km	2024- 2025	547/17.11.202	1.280	1.280	0	0	1.280	1.280	0	0	0	1.280	1.280	1.280	1.280	0	0	0	0	804	804	UBND xã Sông Phải				

leahg